

TÒA ÁN NHÂN DÂN

HUYỆN T

TỈNH TRÀ VINH

Bản án số: 436/2023/DS-ST

Ngày: 29 -9-2023

“V/v tranh chấp hợp đồng góp hội và
thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Quyền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Bài;

Ông Nguyễn Trung Chánh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Thành- Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Văn Thắng- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 436/2023/TLST-DS ngày 16 tháng 01 năm 2023; về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hội và thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 443/2023/QĐXXST-DS, ngày 16 tháng 01 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số: 349/2022/QĐST-DS ngày 14 tháng 9 năm 2023; giữa:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1967 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: ấp C, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh

- Bị đơn: 1/ Bà Hà Mộng L, sinh năm 1974 (vắng mặt không lý do)

2/ Chị T Nhưng B, sinh năm 2000 (vắng mặt không lý do)

3/ Anh Thạch Hà Nhật T1, sinh năm 2010 (vắng mặt không lý do)

Người đại diện hợp pháp của anh T1: Bà Hà Mộng L là mẹ anh T1.

Cùng địa chỉ: ấp Ô, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 12-01-2023 (bút lục 02-09) trong quá trình giải quyết nguyên đơn ông Nguyễn Văn M trình bày:

Ông có tham gia góp hụi do bà Hà Mộng L và ông Thạch Ma N làm chủ hụi rất nhiều dây, cụ thể ông tham gia vào các dây hụi số 38, 39, 40, 41, 42, 43, 44, 45, 46, 47, 48, 49, 84, 87, 93, 94 và 95 loại hụi 3.000.000 đồng khai ngày 17-3-2020, chỉ thỏa thuận bằng lời nói không có làm văn bản, chủ hụi có giao danh sách hụi viên, có 15 phần, huê hồng đầu thảo hưởng 900.000 đồng/lần hốt, 01 tháng khai 02 lần, mỗi dây hụi ông tham gia 01 phần (tên trong dây hụi là T2) và đóng được 04 lần hụi sống bằng 95.780.000 đồng, đến lần khai thứ 05 bà L úp hụi và chưa trả cho ông khoản tiền nào. Sau khi úp hụi giữa ông và bà L có đối chiếu số tiền ông đã đóng và bà L đã ghi biên nhận ngày 28-5-2020 và có trả cho ông được 240.000.000 đồng còn nợ lại 807.000.000 đồng. Do bà L và ông Ma N là vợ chồng, bà L làm hụi và úp hụi trong thời kỳ hôn nhân với ông Ma N. Bà L và ông Ma N có 02 người con chung là T Nhưng B và Thạch Hà Nhật T1. Đến năm 2022 ông Ma N c (cha mẹ ruột của ông Ma N chết trước ông Ma N).

Do đó ông yêu cầu bà Hà Mộng L và các con của ông Thạch Ma N là T Nhưng B và Thạch Hà Nhật T1 trả tiền hụi mà ông đã đóng tổng cộng bằng 95.780.000 đồng (Loại hụi 3.000.000 đồng, mở ngày 17-3-2020 DL, các dây hụi số 38, 39, 40, 41, 42, 43, 44, 45, 46, 47, 48, 49, 84, 87, 93, 94 và 95). Ông không yêu cầu tính lãi hụi.

Bị đơn bà Hà Mộng L, chị T Nhưng B và anh Thạch Hà Nhật T1 đã được triệu tập hợp lệ tham gia hòa giải hai lần vào các ngày 28-6-2023 và 11-8-2023 nhưng vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày

Những vấn đề các bên đương sự thống nhất và không thống nhất:

Do đồng bị đơn vắng mặt nên không xác định được nội dung các bên thống nhất và không thống nhất.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, riêng đồng bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 26, 35, 39, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 468 và 471 của Bộ luật dân sự; Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, hộ biểu phường và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Vì đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn M. Buộc bà Hà Mộng L, chị Thạch Nhung B và anh Thạch Hà Nhật T1 trả tiền hộ sống mà ông Nguyễn Văn M đã đóng tổng cộng 95.780.000 đồng. Buộc bà Hà Mộng L, chị T Nhung B và anh Thạch Hà Nhật T1 chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Tại phiên tòa nguyên đơn vắng mặt nhưng vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vắng mặt và không có yêu cầu phản tố. Các đương sự không có mặt và không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Nguyên đơn ông Nguyễn Văn M khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hộ và thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại”. Đồng thời bị đơn bà Hà Mộng L, chị Thạch Nhung B và anh Thạch Hà Nhật T1 cư trú tại ấp Ô, xã H, huyện T, tỉnh Trà Vinh nên xác định đây là vụ án dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về sự vắng mặt của đương sự:* Nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, đồng bị đơn đã được triệu tập hợp lệ xét xử lần hai nhưng cả hai lần đều vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự vẫn xét xử vụ án vắng mặt ông M và bà L, chị B và anh T1.

- Về nội dung:

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Văn M yêu cầu bà Hà Mộng L, chị Thạch Nhung B và anh Thạch Hà Nhật T1 trả tiền hộ mà bà đã đóng tổng cộng bằng 95.780.000 đồng (Loại hộ 3.000.000 đồng, mở ngày 17-3-2020 DL, các dây hộ số 38, 39, 40, 41, 42, 43, 44, 45, 46, 47, 48, 49, 84, 87, 93, 94 và 95). Ông không yêu cầu tính lãi hộ.

Xét hợp đồng góp hộ giữa ông M với bà L và ông Ma N là có thật. Trong thời gian từ năm 2019 đến năm 2020 bà L và ông Ma N làm chủ hộ của rất nhiều

dây hội, loại hội khác nhau trong đó có các dây hội số 38, 39, 40, 41, 42, 43, 44, 45, 46, 47, 48, 49, 84, 87, 93, 94 và 95 loại hội 3.000.000 đồng, mở ngày 17-3-2020 DL. Sau khi úp hội đáng lẽ bà L và ông Ma N phải có nghĩa vụ thanh toán tiền hội sống cho các hội viên đã tham gia góp hội, nhưng ông bà không thực hiện nghĩa vụ của chủ hội đối với hội viên khi có yêu cầu, nên bà L và ông Ma N đã vi phạm nghĩa vụ của chủ hội đối với hội viên còn sống. Việc vi phạm này làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của ông M nên ông M khởi kiện bà L, chị B và anh T1 (do ông Ma N đã chết) là có căn cứ.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã ban hành quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ số 38/QĐ-YCCCTLCC và công văn số 38/CV-TA cùng ngày 18-7-2023 yêu cầu bà Hà Mộng L, chị Thạch Nhung B và anh Thạch Hà Nhật T1 cung cấp bản tự khai thể hiện ý kiến, yêu cầu của bà và các anh chị đối với đơn khởi kiện của ông M và các chứng cứ để Tòa án xem xét. Đồng thời gửi kèm theo đơn khởi kiện và danh sách hội viên do ông M nộp để yêu cầu bà L, chị B và anh T1 đối chiếu danh sách hội viên, số tiền nguyên đơn đã đóng hội sống cho bà L, chị B và anh T1 để họ có thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được công văn phải có văn bản phản hồi cho Tòa án nếu đối chiếu thấy số tiền nguyên đơn khởi kiện không đúng. Trong công văn còn nói rõ “Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được các văn bản này hoặc được niêm yết hợp lệ tại nhà, nếu bà Hà Mộng L, chị Thạch Nhung B và anh Thạch Hà Nhật T1 và không đến Tòa án trình bày, không giao nộp tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình hoặc không có ý kiến phản đối bằng văn bản, coi như thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn” (bút lục 48 và 49). Tất cả các văn bản trên đều được tổng đạt hợp lệ cho bà L, chị B và anh T1 nhưng đến hôm nay bà L, chị B và anh T1 vẫn không đến Tòa để trình bày ý kiến hay có văn bản phản hồi liên quan đến dây hội mà ông Nguyễn Văn M khởi kiện. Đồng thời nguyên đơn ông Nguyễn Văn M cung cấp được danh sách hội viên của dây hội (bút lục 11-27) và xác nhận của 05 hội viên cùng tham gia chơi chung dây hội này (bút lục 31-35). Bên cạnh đó, ông M cung cấp được biên nhận ngày 28/5/2020 có chữ ký của bà L và ông Ma N thể hiện ông bà có nợ ông M số tiền hội 807.000.000 đồng (bút lục 36). Qua lấy lời khai ông M cho rằng biên nhận ngày 28/5/2020 là tổng số tiền hội các dây hội bà L và ông Ma N nợ ông trong đó có các dây hội sống số 38, 39, 40, 41, 42, 43, 44, 45, 46, 47, 48, 49, 84, 87, 93, 94 và 95 loại hội 3.000.000 đồng, mở ngày 17-3-2020 DL. Từ những căn cứ trên cho thấy việc ông M có chơi hội như bà trình bày là có thật, số tiền đóng hội sống đã được nêu trong công văn tổng đạt cho bà L, chị B và anh T1 nhưng không có phản hồi là số tiền đó không đúng. Đồng thời mặc dù người trực tiếp đứng ra giao dịch với hội viên là bà L, tuy nhiên việc giao dịch diễn ra trong thời kỳ hôn nhân, tiền huê hồng đầu thảo của bà L cũng phục vụ sinh hoạt và kinh tế gia đình, ông Ma N

cũng không phản đối việc bà L làm chủ hui. Do đó căn cứ quy định Điều 27 và 37 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 thì ông Ma N cũng phải có nghĩa vụ liên đới cùng bà L trong giao dịch hui này. Tuy nhiên do ông Ma N đã chết nên những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Ma N là chị Thạch Nhung B và anh Thạch Hà Nhật T1 phải có nghĩa vụ cùng bà L trả khoản tiền hui còn nợ trên phần di sản của ông Ma N để lại. Do đó yêu cầu của ông M về việc buộc bà L, chị B và anh T1 trả tiền hui mà bà đã đóng tổng cộng bằng 95.780.000 đồng (Loại hui 3.000.000 đồng, mở ngày 17-3-2020 DL, các dây hui số 38, 39, 40, 41, 42, 43, 44, 45, 46, 47, 48, 49, 84, 87, 93, 94 và 95) là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những cơ sở nhận định trên và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn M; Buộc bà Hà Mộng L, chị Thạch Nhung B và anh Thạch Hà Nhật T1 trả tiền hui mà bà đã đóng tổng cộng bằng 95.780.000 đồng.

[4] Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Buộc bị đơn bà Hà Mộng L, chị Thạch Nhung B và anh Thạch Hà Nhật T1 phải chịu theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn ông Nguyễn Văn M không phải chịu án phí.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 91, 147 và Điều 227, 228, 238, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 468, 471 và Điều 615 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các Điều 27, 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về họ, hui, biểu phượng;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn M.

2. Buộc bà Hà Mộng L và hàng thừa kế thứ nhất của ông Thạch Ma N gồm: Bà Hà Mộng L, chị Thạch Nhung B và Thạch Hà Nhật T1 (do bà Hà Mộng L làm đại diện) phải có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Nguyễn Văn M tổng số tiền là 95.780.000 đồng của 17 dây hui (38, 39, 40, 41, 42, 43, 44, 45, 46, 47, 48, 49, 84,

87, 93, 94 và 95) mở ngày 17-3-2020 loại hui 3.000.000 đồng có 15 hui viên cùng tham gia do bà Hà Mộng L và ông Thạch Ma N làm đầu thảo.

Hàng thừa kế thứ nhất của ông Thạch Ma N gồm: Bà Hà Mộng L, chị Thạch Nhung B1 và Thạch Hà Nhật T1 (do bà Hà Mộng L làm đại diện) chỉ phải thực hiện nghĩa vụ tài sản (kể cả án phí) trong phạm vi di sản mà ông Thạch Ma N chết để lại.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí: Buộc bà Hà Mộng L và hàng thừa kế thứ nhất của ông Thạch Ma N gồm: Bà Hà Mộng L, chị T Nhung B1 và Thạch Hà Nhật T1 (do bà Hà Mộng L làm đại diện) phải chịu 4.789.000 đồng án phí dân sự.

Ông Nguyễn Văn M không phải chịu án phí. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.394.500 đồng theo biên lai thu tiền số 0014481 ngày 13-01-2023; của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Trà Vinh cho ông Nguyễn Văn M.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Ngọc Quyên

